

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
 BẬC: Đại học
 KHOA : Tin học

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung
 NGÀNH ĐÀO TẠO : Sư phạm Tin học (4 năm)

KHÓA 2015, 2016

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		KIẾN THỨC CHUNG					
		Học phần bắt buộc					
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212003 0	
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213001 0	
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213002 0	
6	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		*
7	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412006 0	*
8	316172 1	Pháp luật đại cương	2	2	0		
9	320144 2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0		
10	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
11	001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0	
12	001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0	
13	001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0	
14	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
15	002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	21	21	0		
		KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM					
		Học phần bắt buộc					
16	320205 2	Tâm lý học giáo dục	4	4	0	212003 0	
17	320195 2	Giáo dục học	3	3	0	320205 2	
18	320210 2	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2	320195 2	
19	312111 3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Tin học)	2	2	0	320195 2	
20	320202 2	Giao tiếp sư phạm	2	2	0	320205 2	
21	312070 3	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Tin học	2	1	1	320195 2	
22	312112 3	Rèn luyện và phát triển các kỹ năng dạy học	3	1	2	312109 3	
23	312109 3	Lý luận & phương pháp dạy học môn tin học	3	2	1	320195 2	
24	312110 3	Phân tích chương trình sách giáo khoa	3	2	1	312109 3	
25	312096 3	Các PPDH tích cực trong giảng dạy bộ môn tin học	2	2	0	312109 3	
26	303001 2	Kiến tập sư phạm	1	0	1	312110 3	
27	303002 2	Thực tập sư phạm	5	0	5	303001 2	
		Tổng	32	19	13		
		Học phần tự chọn					
28	320216 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
29	320209 2	Kỹ năng tham vấn học đường	2	2	0	320205 2	
30	320132 2	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0		
		Tổng	6	6	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	38	25	13		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					
		Học phần bắt buộc					
		Kiến thức cơ sở					
31	311125 2	Giải tích 5 và đại số	3	3	0		
32	311069 2	Xác suất thống kê	2	2	0		
33	312054 2	Toán rời rạc	3	2	1		
34	312052 2	Tin học đại cương chuyên	4	2	2		
		Kiến thức chuyên ngành					
35	312079 3	Lập trình Pascal nâng cao	3	2	1		
36	312102 3	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	3	1		
37	312030 2	Lý thuyết đồ thị	3	2	1		
38	312108 3	Lập trình C/C++ căn bản	3	2	1		
39	312001 2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1		
40	312097 3	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
41	312104 3	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	4	2	2		
42	312107 3	Lập trình C/C++ nâng cao	3	2	1		
43	312105 3	Kỹ thuật lập trình nâng cao	2	1	1		
44	312032 2	Mạng máy tính	3	2	1		
45	312039 2	Phân tích và thiết kế giải thuật	3	2	1		
46	312036 2	Nhập môn công nghệ phần mềm	2	2	0		



47	312047 2	Thiết kế và lập trình web	3	2	1		
48	312057 2	Truyền và bảo mật thông tin	3	2	1		
49	312101 3	Đồ án môn học	2	1	1		
50	312090 2	Tối ưu tuyến tính	3	2	1		
51	312021 2	Hệ phân tán	3	2	1		
52	312049 2	Tiếng Anh trong công nghệ thông tin	2	2	0	412007 0	
53	312040 2	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	2	1		
		Tổng	67	46	21		
		Học phần tự chọn					
54	312103 3	Kiểm thử phần mềm	2	1	1		
55	312031 2	Lý thuyết tính toán	2	2	0		
56	312013 2	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	2	1	312097 3	
57	312018 2	Đồ họa	3	2	1		
58	312056 2	Trí tuệ nhân tạo	3	2	1		
59	312037 2	Nhập môn mã nguồn mở	3	2	1		
60	312076 2	Lập trình di động	3	2	1		
61	312071 2	Khai phá dữ liệu	3	2	1		
62	312064 2	Điện toán đám mây	3	2	1		
63	312077 2	Lập trình mạng	3	2	1		
64	312062 2	An toàn thông tin	2	2	0		
65	312094 3	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	2	2	0		
66	312106 3	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
		Tổng	38	23	15		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	105	69	36		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHOA	135				
		Tổng số tín chỉ bắt buộc	120				
		Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu (chọn ra 15/44 tín chỉ)	15				

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra

* Học phần Tiếng Anh A2.1 là học phần tiên quyết của học phần Tiếng Anh A2.2

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỞNG KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PGS.TS. LÊ QUANG SƠN

